

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 14 tháng 8 năm 2025

của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Văn học
 - + Tiếng Việt: **Văn học**
 - + Tiếng Anh: **Literature**
- Mã ngành đào tạo: 7229030
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân ngành Văn học**
 - + Tiếng Anh: **The Degree of Bachelor in Literature**
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Chuẩn đầu vào: Người học tốt nghiệp chương trình giáo dục phổ thông và trúng tuyển vào ngành đào tạo theo Đề án tuyển sinh của trường.
- Vị trí người học tốt nghiệp:
 - 1. *Lĩnh vực giáo dục – đào tạo:*
 - + Giáo viên môn Ngữ văn tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (sau khi bổ sung chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm nếu cần).
 - + Cán bộ giảng dạy, trợ giảng, hoặc nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu có đào tạo và nghiên cứu về văn học, ngôn ngữ, văn hóa.
 - 2. *Lĩnh vực báo chí – truyền thông – xuất bản:*
 - + Phóng viên, biên tập viên, biên kịch tại các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, đài phát thanh – truyền hình, công ty truyền thông.
 - + Cộng tác viên nội dung, sáng tác, biên tập sách, tạp chí, kịch bản chương trình, các sản phẩm truyền thông số.

3. Lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật:

- + Nhân viên tổ chức sự kiện tại các cơ quan văn hóa, bảo tàng, trung tâm văn hóa, nhà hát, đoàn nghệ thuật.
- + Tham gia các dự án sáng tạo nghệ thuật: viết kịch, thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu phẩm, phê bình văn học, v.v.

4. Lĩnh vực hành chính – xã hội:

- + Nhân viên văn phòng, hành chính, đối ngoại, văn thư tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, doanh nghiệp.
- + Nhân viên phụ trách công tác truyền thông, phát triển cộng đồng tại các tổ chức phi chính phủ (NGO), dự án phát triển văn hóa – giáo dục.

5. Học tiếp sau đại học:

- + Có thể tiếp tục học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) trong các chuyên ngành: Văn học Việt Nam, Văn học so sánh, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Giáo dục học, Báo chí – Truyền thông, hoặc các ngành liên quan khác trong và ngoài nước.

2. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tín chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG – LIÊN NGÀNH (29 TC bắt buộc (BB), 7 TC tự chọn (TC))					36	35	01	
A	Khối kiến thức lí luận chính trị (11 TC bắt buộc)					11	11	0	
1	DAI047	Triết học Mác –Lênin	Marxist- Leninist Philosophy	BB	45	3	3	0	
2	DAI048	Kinh tế chính trị Mác– Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	BB	30	2	2	0	
3	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB	30	2	2	0	
4	DAI050	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	BB	30	2	2	0	
5	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB	30	2	2	0	
B	Khối kiến thức nền tảng – kĩ năng (bắt buộc/tự chọn – 09/02)					11	11	0	
6	DAI055	Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới	Vietnam in World History	BB	30	2	2	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tin chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
7	DAI056	Nhận diện tiến trình văn hóa Việt Nam	Milestones in Vietnam's Culture	BB	30	2	2	0	
8	DAI057	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Introduction to Research	BB	30	2	2	0	
9	DAI058	Sáng tạo xã hội	Social Innovation	BB	45	3	3	0	
10	DAI065	Nhập môn Kinh tế học	Introduction to Economic	TC	30	2	2	0	
11	DAI073	Tư duy phản biện	Critical Thinking	TC	30	2	2	0	
12	DAI066	Giao tiếp hiệu quả	Effective Communication	TC	30	2	2	0	
13	DAI061	Trí tuệ nhân tạo và Đạo đức	AI and Ethic	TC	30	2	2	0	
14	DAI059	Kỹ năng đàm phán	Negotiation Skills	TC	30	2	2	0	
15	DAI060	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	Leadership and Teamwork Skills	TC	30	2	2	0	
16	DAI067	Viết để học	Writing to Learn	TC	30	2	2	0	
17	DAI068	Viết chuyên sâu	Intensive Writing	TC	30	2	2	0	
C	Khối kiến thức tích hợp (bắt buộc/tự chọn – 06/02)					08	07	01	
18	DAI024	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB	45	2	1	1	
19	DAI062	Tâm lý học và đời sống	Psychology and Life	BB	30	2	2	0	
20	DAI074	Phát triển bền vững	Sustainable Development	BB	30	2	2	0	
21	DAI063	Nghệ thuật và xã hội	Art and Society	TC	30	2	2	0	
22	DAI064	Nhập môn quản lý dự án	Introduction to Project Management	TC	30	2	2	0	
D	Khối kiến thức liên ngành (bắt buộc/tự chọn – 03/03)					06	06	0	
23	DAI069	Công dân số và Nhận thức truyền thông	Digital Citizenship and Media Literacy	BB	45	3	3	0	
24	DAI070	Toàn cầu hóa và Địa phương hóa	Globalization and Localization	TC	45	3	3	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tin chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
25	DAI071	Sức khỏe và Hạnh phúc	Health and Happiness	TC	45	3	3	0	
26	DAI072	Gia đình, Nhà trường và Cộng đồng	Family, School and Community	TC	45	3	3	0	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (17 TC bắt buộc)			TC		17	16	1	
1	VAN165	Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt	Vietnamese Phonetics and Vocabulary	BB	45	3	3	0	Tương đương môn <i>Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm
2	VAN124.1	Ngữ pháp học tiếng Việt	Vietnamese Grammar	BB	30	2	2	0	Tương đương môn <i>Ngữ pháp học tiếng Việt</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm
3	VAN080	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Composing	BB	45	2	1	1	Tương đương môn <i>Tiếng Việt thực hành</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm
4	VAN166	Tu từ học và phân tích ngôn ngữ văn chương	Rhetorics and Analysis of Literary Language	BB	30	2	2	0	
5	VAN167	Hán văn	Chinese Characters	BB	60	4	4	0	Tương đương môn <i>Hán văn</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm
6	DAI019	Chữ Nôm	Nom Writing	BB	30	2	2	0	Tương đương môn <i>Chữ Nôm</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm
7	VAN006	Đại cương nghệ thuật học	Introduction to Art Studies	BB	30	2	2	0	Tương đương môn <i>Đại cương nghệ thuật học</i> của CTĐT đại học ngành Hán Nôm (tự chọn)
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH					57	48	9	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tín chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
	(48 TC bắt buộc, 9 TC tự chọn)								
A. Nhóm tín chỉ bắt buộc						48	39	9	
1	VAN018	Nguyên lí lí luận văn học	Principles of Literary Theory	BB	45	3	3	0	
2	VAN025.1	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Literary Works and Literary Genres	BB	45	3	3	0	
3	VAN035	Tiến trình văn học	Literary Process	BB	30	2	2	0	
4	VAN168	Phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học	Methods for Literary Studies and Criticism	BB	45	2	1	1	
5	VAN043.3	Văn học dân gian Việt Nam	Vietnamese Folk Literature	BB	60	3	2	1	
6	VAN059.2	Văn học cổ điển Việt Nam 1 (thế kỉ X–XVII)	Vietnamese Classical Literature 1 (from 10th to 17th Century)	BB	60	3	2	1	
7	VAN060.2	Văn học cổ điển Việt Nam 2 (thế kỉ XVIII – XIX)	Vietnamese Classical Literature 2 (from 18th to 19th Century)	BB	60	3	2	1	
8	VAN061.2	Văn học hiện đại Việt Nam 1 (1900 – 1945)	Vietnamese Modern Literature 1 (1900–1945)	BB	60	3	2	1	
9	VAN062.2	Văn học hiện đại Việt Nam 2 (1945 – nay)	Vietnamese Modern Literature 2 (1945 – present)	BB	60	3	2	1	
10	VAN064.2	Văn học Tây Âu 1 (cổ đại – thế kỉ XVII)	Western European Literature 1 (from the Antiquity to the 17th)	BB	60	3	2	1	
11	VAN065.1	Văn học Tây Âu 2 (thế kỉ XVIII – thế kỉ XX)	Western Europe Literature 2 (from the 18th to the 20th Century)	BB	45	3	3	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tin chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
12	VAN047.2	Văn học Nga – Slav	Russian–Slavic Literature	BB	45	3	3	0	
13	VAN169	Văn học châu Mỹ	Literature of the Americas	BB	45	3	3	0	
14	VAN051.1	Văn học Trung Quốc	Chinese Literature	BB	60	3	2	1	
15	VAN048.2	Văn học Nhật Bản - Triều Tiên	Japanese and Korean Literatures	BB	45	2	1	1	
16	VAN063	Văn học Ấn Độ và văn học Đông Nam Á	Indian and Southeast Asian Literatures	BB	60	4	4	0	
17	VAN050	Nhập môn văn học so sánh	Introduction to Comparative Literature	BB	30	2	2	0	
B.1. Nhóm tín chỉ tự chọn định hướng Nghiên cứu, Phê bình và Giảng dạy						9	9	0	
1	VAN023	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	Modern Vietnamese Literary Criticism	TC	30	2	2	0	
2	VAN026	Thi pháp ca dao	Poetics of Folk Poetry	TC	30	2	2	0	
3	VAN027	Thi pháp học	Poetics	TC	30	2	2	0	
4	VAN041	Văn học các nước Trung Cận Đông	Near and Middle–Eastern Literatures	TC	30	2	2	0	
5	VHH047	Văn hoá Nam Bộ	Culture of Southern Vietnam	TC	30	2	2	0	
6	VAN073	Dẫn nhập nghiên cứu văn học (<i>dạy bằng tiếng Anh</i>)	Introduction to Literary Studies (<i>instructed in English</i>)	TC	30	2	2	0	Học bằng tiếng Anh

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tin chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
7	VAN074	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn	Methods for Teaching Literature	TC	45	3	3	0	
8	HAN016	Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo	Confucianism, Buddhism and Taoism	TC	60	4	4	0	
9	VAN005	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học	Humanism in literature	TC	30	2	2	0	
10	VAN170	Viết sáng tạo trên nền tảng kĩ thuật số	Creative Writing on Digital Platforms	TC	30	2	2	0	
B.2. Nhóm tín chỉ tự chọn định hướng Báo chí, Xuất bản, Văn phòng						9	9	0	
1	BCH069	Nghệ thuật biên tập	Proficiency in Editing	TC	30	2	2	0	
2	VAN070	Tin, phỏng vấn và phóng sự	News, Interview and Reportage	TC	45	3	3	0	
3	VAN071	Kỹ thuật làm báo trực tuyến	Techniques for Online Journalism	TC	30	2	2	0	
4	VAN075	Kịch bản truyền thông	Media Script	TC	30	2	2	0	
5	VAN085	Nghệ thuật ghi hình và dựng hình	Film Cinematography and Editing	TC	60	3	2	1	
6	VAN101	Đại cương về quảng cáo	Introduction to Advertising	TC	30	2	2	0	
7	NHA070	Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Documents of State Agencies and Drafting Techniques	TC	30	2	2	0	
8	DAI044	Nghệ thuật thư kí văn phòng	Secretarial Skills	TC	30	2	2	0	
9	LUU039.1	Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ	Application of Information Technology in Office Administration, Records and Archives Work	TC	30	2	2	0	
10	VAN170	Viết sáng tạo trên nền tảng kĩ thuật số	Creative Writing on Digital Platforms	TC	30	2	2	0	
IV	THỰC TẬP, KHÓA LUẬN/ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (5 TC bắt buộc + tối thiểu 4 TC tự chọn)					9	9	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Loại học phần	Số tiết	Tín chỉ (TC)			Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng cộng	lí thuyết	Thực hành	
1	VAN030.4	Thực tập thực tế	Fieldwork Practice	BB	75	5	5	0	
2	VAN088.1	Thực tập hướng nghiệp	Internship	TC	60	4	4	0	
3	VAN171	Khoá luận	Thesis	TC	120	8	8	0	
V. KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN TỰ DO (Sinh viên chọn 06 tín chỉ từ CTĐT khác)					TC	6	6	0	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ						125			

13. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
1	Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt (Vietnamese Phonetics and Vocabulary)	Đây là môn bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất, cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về âm thanh ngôn ngữ và hệ thống từ vựng trong tiếng Việt. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về âm học, âm vị học, cấu trúc âm tiết, thanh điệu, từ loại, trường từ vựng và hiện tượng phát triển từ vựng. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cơ chế vận hành của âm thanh và từ ngữ trong giao tiếp, từ đó nâng cao năng lực phân tích ngôn ngữ, hỗ trợ hiệu quả cho việc phân tích văn học.	3 TC (45 tiết)	
2	Ngữ pháp học tiếng Việt (Vietnamese Grammar)	Đây là môn bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ hai, trang bị cho sinh viên kiến thức hệ thống về cấu trúc ngữ pháp của tiếng Việt, bao gồm các đơn vị ngữ pháp như từ, cụm từ, câu, cùng các phạm trù ngữ pháp như từ loại, thành phần câu, kiểu câu và quan hệ cú pháp. Môn học giúp người học nắm vững quy tắc kết hợp và chức năng ngữ pháp của các yếu tố trong câu tiếng Việt, từ đó nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt chuẩn xác, hiệu quả.	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
3	Tiếng Việt thực hành (Vietnamese Composing)	Đây là môn bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ hai, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, linh hoạt và hiệu quả trong học tập, công việc và giao tiếp hàng ngày. Nội dung môn học bao gồm: chính tả, ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp, phong cách và lỗi thường gặp. Qua các bài tập thực hành, sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ, phân tích và tạo lập văn bản tiếng Việt đúng chuẩn và phù hợp ngữ cảnh.	2 TC (45 tiết)	
4	Tu từ học và phân tích ngôn ngữ văn chương (Rhetorics and Analysis of Literary Language)	Học phần là bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ ba. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về tu từ học tiếng Việt và phương pháp phân tích ngôn ngữ văn chương. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ, bình giảng và phân tích văn bản văn học, phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và sáng tác. Học phần gồm 3 chương: Chương 1. Tu từ và tu từ học, Chương 2. Tổng quan về ngôn ngữ văn chương và Chương 3. Phân tích ngôn ngữ văn chương.	2 TC (30 tiết)	Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt, Ngữ pháp học tiếng Việt
5	Hán văn (Chinese Characters)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ nhất, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về Hán văn cổ trung đại Trung Quốc và Việt Nam, giúp người học biết được lịch sử hình thành và phát triển của chữ Hán, cấu trúc của chữ Hán; dịch và hiểu được các bài Hán văn ở mức độ cơ bản.	4 TC (60 tiết)	
6	Chữ Nôm (Nom Writing)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ nhất, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về chữ Nôm, giúp người học biết được quá trình hình thành và phát triển của chữ Nôm, cấu trúc chữ Nôm; diễn biến của chữ Nôm về phương diện cấu trúc; quy tắc chuyển đổi ngữ âm; phiên âm và phân tích được cấu trúc chữ Nôm trong các đoạn trích của học phần.	2 TC (30 tiết)	Hán văn

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
7	Đại cương nghệ thuật học (Introduction to Art Studies)	- Đại cương Nghệ thuật học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật học, các lý thuyết nghệ thuật cơ bản, quan điểm nghệ thuật của các nhà mỹ học, thành tựu nghệ thuật và trường phái nghệ thuật. - Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về nguồn gốc ra đời của nghệ thuật, lịch sử phát triển và thành tựu nghệ thuật, các loại hình nghệ thuật chủ yếu trong lịch sử nghệ thuật, trào lưu và tác giả, tác phẩm nổi bật.	2 TC (30 tiết)	
8	Nguyên lý lý luận văn học (Principles of Literary Theory)	<i>Môn Nguyên lý lý luận văn học</i> sẽ cung cấp những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất để sinh viên có được công cụ tìm hiểu tất cả những vấn đề thuộc về nghiên cứu văn học nghệ thuật. Xét về phương diện cấu trúc, bản thân văn học không tồn tại cô lập mà là một yếu tố hữu cơ trong cấu trúc chung của toàn bộ đời sống xã hội. <i>Nguyên lý văn học</i> trước hết tìm hiểu mối quan hệ và sự ảnh hưởng giữa các thành tố như: <i>Cuộc sống - Nhà văn - Tác phẩm - Độc giả</i>. Thứ đến, nó tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, từ đó có thể định vị được chính xác văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ như thế nào. Theo logic đó, môn học lý giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học.	3 TC (45 tiết)	
9	Tác phẩm văn học và thể loại văn học (Literary Works and Literary Genres)	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về: +Tiếp theo sau học phần về các nguyên lý văn học, sinh viên sẽ được tiếp tục tiếp cận với phần kiến thức đi sâu vào vấn đề tác phẩm văn học nhìn từ góc độ lý luận văn học. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về yếu tố trung tâm của đời sống văn học là tác phẩm và thể loại của tác phẩm văn học.	3 TC (45 tiết)	Nguyên lý lý luận văn học

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
		+Giúp sinh viên nắm bắt được bản chất, vị trí, vai trò của tác phẩm trong đời sống văn học, các yếu tố cấu thành tác phẩm và việc phân chia thể loại tác phẩm văn học. +Từ góc độ lí thuyết, học phần cung cấp cho sinh viên kĩ năng tiếp cận tác phẩm bằng cái nhìn, phương thức phân tích, cảm thụ mang tính lí luận, logic và khoa học.		
10	Tiến trình văn học (Literary Process)	- Trình bày những luận điểm góp phần soi sáng vấn đề tiến trình văn học như một phương diện của lí luận văn học; giải thích nội hàm và ngoại diên của những khái niệm có liên quan đến việc nghiên cứu tiến trình văn học: kiểu sáng tác, khuynh hướng, trào lưu, trường phái, phương pháp nghệ thuật, phong cách, dòng phong cách. - Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, lịch sử hoạt động, đặc điểm và thành tựu của những khuynh hướng và trào lưu văn học chủ yếu trong lịch sử văn học thế giới và văn học Việt Nam, với những tác gia và tác phẩm nổi bật.	2 TC (30 tiết)	
11	Phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học (Methods of Literary Research and Criticism)	Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kĩ năng thực hành về phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học. Về kiến thức, sinh viên được cung cấp kiến thức về phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học, từ tìm tài liệu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập thư mục tham khảo, tiến hành nghiên cứu. Ngoài ra, sinh viên được giới thiệu các phương pháp phê bình văn học.	2 TC (30 tiết)	
12	Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese Folk Literature)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ hai, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn học dân gian nói chung và văn học dân gian Việt Nam nói riêng, hệ thống phân loại và đặc trưng của từng thể loại văn học dân gian.	3 TC (60 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
13	Văn học cổ điển Việt Nam 1 (X–XVII) (Vietnamese Classical Literature 1 (from 10th to 17th Century))	Học phần dành cho sinh viên năm thứ hai, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về lịch sử văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 17, giúp người học biết được các chặng đường phát triển văn học cụ thể của nền văn học Việt Nam, phân tích và đánh giá được các hiện tượng văn học trong giai đoạn văn học này một cách khoa học, dựa trên tiến triển của lịch sử Việt Nam qua các triều đại, giai đoạn.	3 TC (45 tiết)	
14	Văn học cổ điển Việt Nam 2 (XVIII – XIX) (Vietnamese Classical Literature 2 (from 18th to 19th Century))	Văn học cổ điển Việt Nam 2 là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Văn học Việt Nam của chương trình đào tạo cử nhân ngành Văn học. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ 18-19, kiến thức về thể loại và phong cách của các tác giả tiêu biểu trong giai đoạn này. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn cách phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học trong giai đoạn này một cách đa chiều, khoa học dựa trên nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng thực hiện một nghiên cứu chuyên ngành và các kỹ năng mềm cần thiết khác.	3 TC (45 tiết)	
15	Văn học hiện đại Việt Nam 1 (1900 – 1945) ((Vietnamese Modern Literature 1 (1900–1945))	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về lịch sử văn học Việt Nam từ năm 1900 đến 1945, giúp người học có cái nhìn liên lạc, bao quát về tiến trình văn học Việt Nam; có thể đánh giá những cách tân, lựa chọn và thành tựu của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX.	3 TC (45 tiết)	Văn học cổ điển Việt Nam 2 (XVIII-XIX)
16	Văn học hiện đại Việt Nam 2 (1945 – nay) (Vietnamese Modern	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về lịch sử văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hiện nay, giúp người học biết được các chặng đường và không gian văn học cụ thể, phân tích và	3 TC (60 tiết)	Văn học hiện đại Việt Nam

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
	Literature 2 (1945 – present))	đánh giá được các hiện tượng văn học trong giai đoạn văn học này một cách khoa học.		1 (1900-1945)
17	Văn học Tây Âu 1 (cổ đại – thế kỉ XVII) (Western European Literature 1 (from the Antiquity to the 17th))	Học phần dành cho sinh viên năm thứ hai, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về lịch sử văn học Tây Âu (từ cổ đại – hết thế kỷ XVII) qua từng thời kì. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể trình bày bối cảnh lịch sử - văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến sự ra đời, quá trình phát triển và đặc trưng của văn học Tây Âu (từ cổ đại – hết thế kỷ XVII).	3 TC (45 tiết)	
18	Văn học Tây Âu 2 (thế kỉ XVIII – thế kỉ XX) (Western Europe Literature 2 (from the 18th to the 20th Century))	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về: Tổng quan về Tây Âu: địa lí, lịch sử, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết; Khái quát các giai đoạn phát triển của văn học Tây Âu từ thế kỉ XVIII (Thời đại Khai sáng) đến hiện đại, vị trí của văn học Tây Âu trong lịch sử văn học thế giới; Những kiến thức cơ bản về một số tác gia tiêu biểu của văn học Tây Âu: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, những đóng góp của họ đối với văn học phương Tây và văn học thế giới; Nội dung, những đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn học Tây Âu tiêu biểu.	3 TC (45 tiết)	
19	Văn học Nga – Slav (Russian–Slavic Literature)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về một số tác gia tiêu biểu của văn học Slav và Nga: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, những đóng góp đối với văn học khu vực và văn học thế giới. Người học nắm được một cách khái quát các giai đoạn phát triển của văn học Slav và Nga từ khởi thủy đến hiện đại (thế kỷ XI – thế kỷ XX), từ đó cũng có thể trình bày nội dung, những đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn học Nga tiêu biểu.	3 TC (45 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
20	Văn học châu Mỹ (Literature of the Americas)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ tư, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về văn học châu Mỹ, bao gồm văn học Hoa Kỳ và Mỹ Latin, các điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa đã tác động đến nền văn học khu vực này; tiến trình phát triển văn học ở châu Mỹ, chú trọng vào diện mạo văn học thế kỷ XX với các trào lưu và các thể loại văn học tiêu biểu, đồng thời tiếp cận một số tác giả, tác phẩm chính trong văn học khu vực.	3 TC (45 tiết)	
21	Văn học Trung Quốc (Chinese Literature)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ hai, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức về văn học Trung Quốc và ảnh hưởng của nó trên thế giới. Môn học giới thiệu tổng quan về Trung Quốc: phân bố địa lý, lịch sử, các đặc điểm ngôn ngữ, tín ngưỡng, chữ viết; Khái quát các giai đoạn phát triển của văn học Trung Quốc từ khởi thủy đến hiện đại, vị trí của văn học Trung Quốc trong bối cảnh khu vực; Những kiến thức cơ bản về một số tác gia tiêu biểu của văn học Trung Quốc: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, những đóng góp của họ đối với văn học Trung Quốc và văn học thế giới; Nội dung, những đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn học Trung Quốc tiêu biểu.	3 TC (60 tiết)	
22	Văn học Nhật Bản - Triều Tiên (Japanese and Korean Literatures)	Văn học Nhật Bản - Triều Tiên là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Văn học dành cho sinh viên năm thứ ba. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về văn học Nhật Bản và Triều Tiên trong cái nhìn so sánh với nhau và với các nền văn học khác trong khu vực Đông Á. Sinh viên được hướng dẫn cách tiếp cận và phân tích các thể loại, tác giả tác phẩm tiêu biểu của hai nền văn học, đồng thời được rèn luyện kỹ năng thực hiện một nghiên cứu chuyên ngành và các kỹ năng mềm cần thiết khác.	2 TC (45 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
23	Văn học Ấn Độ và văn học Đông Nam Á (Indian and Southeast Asian Literatures)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức về văn học Ấn Độ và văn học các nước Đông Nam Á. Trước hết, môn học giới thiệu khái quát các thành tố chính của văn hóa Ấn Độ và giới thiệu sâu các thành tựu của văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến hiện đại – tiền đề để SV tiếp thu tốt hơn kiến thức văn học Đông Nam Á; đồng thời, môn học giới thiệu ảnh hưởng của Ấn Độ đến văn hóa, văn học Đông Nam Á cũng như những sáng tạo riêng của văn học khu vực này.	4 TC (60 tiết)	
24	Nhập môn văn học so sánh (Introduction to Comparative Literature)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ tư, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về lĩnh vực Văn học so sánh, giúp sinh viên có một cái nhìn tương đối tổng quan về văn học thế giới, các mối quan hệ giữa các nền văn học dân tộc, mối quan hệ giữa văn học với các lĩnh vực khác của đời sống văn hóa. Giới thiệu những nguyên lý cơ bản của VHSS với tính cách là một lý thuyết và phương pháp nhận thức và nghiên cứu về văn học có khả năng làm sáng tỏ các vấn đề văn học cả trên lĩnh vực lý luận, phê bình và lịch sử văn học. Môn học cũng giúp sinh viên củng cố lại một số kiến thức đã học về lý luận và lịch sử văn học, thực hành vận dụng phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn học.	2 TC (30 tiết)	
25	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại (Modern Vietnamese Literary Criticism)	Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học: 1. Kiến thức nền tảng về lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm của phê bình văn học Việt Nam hiện đại. 2. Phân tích được vai trò, vị trí của các nhà phê bình lớn và các công trình phê bình quan trọng. 3. Nâng cao năng lực tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề.	2 TC (30 tiết)	Văn học hiện đại Việt Nam 1 Văn học hiện đại Việt Nam 2

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
26	Thi pháp ca dao (Poetics of Folk Poetry)	Môn <i>Thi pháp ca dao</i> trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc trưng thể loại, cấu trúc nghệ thuật và các phương thức biểu đạt trong ca dao Việt Nam. Qua việc phân tích hình tượng, ngôn ngữ, giọng điệu và không gian nghệ thuật, sinh viên hiểu sâu sắc giá trị thẩm mỹ và nhân văn của ca dao, từ đó nâng cao khả năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học dân gian trữ tình.	2 TC (30 tiết)	
27	Thi pháp học (Poetics)	Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm nền tảng về thi pháp và thi pháp học; trình bày được các trường phái thi pháp học chính từ cổ điển (Aristotle, Horace...) đến hiện đại (thi pháp hình thức, cấu trúc luận, hậu cấu trúc...); Hiểu được vai trò của thi pháp học trong nghiên cứu và giảng dạy văn học; Nhận diện các yếu tố thi pháp trong một văn bản văn học: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, kết cấu, giọng điệu, thời gian nghệ thuật....	2 TC (30 tiết)	
28	Văn học các nước Trung Cận Đông (Near and Middle-Eastern Literatures)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức về văn học các nước ở khu vực Trung Cận Đông, từ đó có cái nhìn rộng hơn về văn học Phương Đông và văn học thế giới. Môn học giới thiệu tổng quan về văn học các nước Trung Cận Đông: các đặc điểm địa lí, lịch sử, ngôn ngữ, tôn giáo, chữ viết; các nền văn học tiêu biểu ở Trung Cận Đông: Ai Cập, Lưỡng Hà, Arab, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, tiến trình lịch sử, đặc trưng, di sản cũng như nội dung, những đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn học tiêu biểu ở khu vực Trung Cận Đông.	2 TC (30 tiết)	
29	Văn hoá Nam Bộ (Culture of Southern Vietnam)	Học phần dành cho sinh viên năm hai là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng căn bản về đặc điểm môi trường tự nhiên, quá trình hình thành và phát triển lẫn tình hình	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
		kinh tế-xã hội, các đặc điểm tộc người và các thành tố văn hóa của vùng đất Nam bộ.		
30	Introduction to Literary Studies (<i>instructed in English</i>) (Dẫn nhập nghiên cứu văn học) (<i>Dạy bằng tiếng Anh</i>)	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn nền tảng về lĩnh vực văn học và nghiên cứu văn học thông qua ngôn ngữ Anh. Sinh viên sẽ được làm quen với các thuật ngữ chuyên ngành, các khái niệm và phương pháp phân tích văn học cơ bản, đồng thời tiếp cận một số tác phẩm, tác giả, trào lưu và xu hướng văn học tiêu biểu trên thế giới từ quá khứ đến hiện tại. Học phần giúp sinh viên phát triển năng lực đọc hiểu, phân tích và đánh giá văn bản văn học bằng tiếng Anh, thực hành dịch một số đoạn văn sang tiếng Việt, cũng như rèn luyện kỹ năng diễn đạt nhận thức văn học bằng tiếng Anh học thuật.	2 TC (30 tiết)	
31	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn (Methods for Teaching Literature)	Học phần dành cho sinh viên năm 3 ngành Văn học, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này khái quát những nguyên lý cơ bản: sự ra đời phát triển của ngành khoa học trong một thời kì mới đầy biến động, thể hiện được những nét tổng quan của hai học phần sau như: Các phương pháp biện pháp nghiên cứu văn học trong nhà trường, mối quan hệ qua lại của tiếp nhận và phân tích tác phẩm nghệ thuật, đọc và nghiên cứu tác phẩm nghệ thuật theo đặc trưng loại thể, những phương pháp nghiên cứu bài giảng ở các lớp (tổng quát, chuyên sâu, chính luận phê bình) hoạt động nói, viết của học sinh, ngoại khoá. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học: - Hiểu được những vấn đề lí luận của phương pháp khoa học hiện đại, các giai đoạn, các thời kì phát triển, phương pháp dạy học văn, các giai đoạn nghiên cứu văn học trong nhà trường, thế giới và Việt Nam. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ sư phạm cơ bản và hiện đại, bao gồm: những hiểu biết về chương trình sách giáo khoa tiếng Việt trung học phổ thông, các nguyên tắc và phương pháp dạy học tiếng Việt, cách thức tổ chức các kiểu bài học tiếng Việt.	3 TC (45 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
		- Có khả năng vận dụng những kiến thức lí luận vào thực tế quá trình dạy học. - Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng dạy học tiếng Việt: chuẩn bị bài giảng, tổ chức các hoạt động dạy học, phương pháp đánh giá tri thức và kĩ năng sử dụng tiếng Việt của học sinh. - Hình thành năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học tiếng Việt đặt ra trong nhà trường phổ thông. - Giúp sinh viên yêu thích môn Văn, có thái độ trân trọng đúng đắn đối với nền văn học nước nhà.		
32	Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo (Confucianism, Buddhism and Taoism)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ 3, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kĩ năng thực hành về ba hệ tư tưởng lớn phương Đông: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, bao gồm lịch sử hình thành, tư tưởng cốt lõi, trường phái phát triển và ảnh hưởng trong xã hội. Giúp sinh viên phân biệt và so sánh đặc trưng tư tưởng, phương pháp luận và hệ giá trị của ba học thuyết; từ đó phát triển khả năng tư duy độc lập và giải thích hiện tượng văn hóa, xã hội dưới góc nhìn triết học Đông phương. Khuyến khích sinh viên vận dụng các nguyên lí của Nho – Phật – Đạo vào việc viết tiểu luận triết học, trình bày – thuyết trình chuyên đề, và tra cứu tư liệu học thuật liên quan đến triết học – văn hóa phương Đông.	4 TC (60 tiết)	
33	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học (Humanism in literature)	Mục tiêu học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển và các biểu hiện tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn trong văn học thế giới và Việt Nam. Học phần giúp người học nhận diện và phân tích những biểu hiện của tư tưởng nhân văn trong các truyền thống văn học phương Đông và phương Tây, từ cổ đại đến hiện đại.	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
34	Viết sáng tạo trên nền tảng kỹ thuật số (Creative Writing on Digital Platforms)	Học phần này là môn tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Văn học. Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết để sáng tạo các loại hình văn bản trên các nền tảng kỹ thuật số hiện đại. Mục tiêu chính của học phần là giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc viết sáng tạo cơ bản, đồng thời áp dụng linh hoạt các công nghệ và công cụ số để tối ưu hóa quá trình viết, xuất bản và tiếp cận độc giả trong môi trường số.	2 TC (30 tiết)	
35	Nghệ thuật biên tập (Proficiency in Editing)	Môn <i>Nghệ thuật biên tập</i> là môn tự chọn dành cho sinh viên năm thứ tư, cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực biên tập văn bản, bao gồm: hiệu đính chính tả, ngữ pháp, phong cách diễn đạt; tổ chức cấu trúc nội dung; xử lý ngôn ngữ cho phù hợp với từng thể loại và đối tượng độc giả. Sinh viên được rèn luyện tư duy ngôn ngữ, khả năng làm việc với văn bản và ý thức nghề nghiệp của người biên tập.	2 TC (30 tiết)	
36	Tin, phỏng vấn và phóng sự (News, Interview and Reportage)	Học phần dành cho sinh viên năm ba hoặc năm tư, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Mục tiêu học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bản chất vai trò, chức năng và nguyên tắc hoạt động của báo chí và truyền thông; hướng dẫn các quy trình viết lách, đặc điểm, các dạng cấu trúc tin, bài báo chí thông dụng, thao tác căn bản thuần thực kỹ thuật viết tin, bài theo cấu trúc hình tháp ngược, hình đồng hồ cát, cấu trúc tâm điểm... Học phần trang bị cho người học ý thức trách nhiệm xã hội đối với nghề báo, cẩn trọng, sáng tạo trong thực hành, tác nghiệp báo chí và công tác truyền thông.	3 TC (45 tiết)	
37	Kỹ thuật làm báo trực tuyến	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba hoặc tư, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về sản xuất và xuất bản báo chí trên môi trường Internet; cách tổ chức và vận hành một tờ báo trực tuyến; các xu	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
	(Techniques for Online Journalism)	hướng phát triển của truyền thông trực tuyến. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện các loại nội dung khác nhau cho trang báo trực tuyến, hướng tới sản phẩm báo chí đa nền tảng.		
38	Kịch bản truyền thông (Media Script)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba hoặc tư, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho sinh viên cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành toàn diện, giúp người học nắm vững từ cấu trúc kịch bản đến tâm lý công chúng, đồng thời phát triển khả năng viết kịch bản đa dạng cho phim ảnh và gameshow. Hơn nữa, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, cùng với thái độ chủ động, tích cực và có trách nhiệm với nghề nghiệp.	2 TC (30 tiết)	
39	Nghệ vụ ghi hình và dựng hình (Film Cinematography and Editing)	Học phần dành cho sinh viên năm thứ ba, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng nền tảng về quy trình ghi hình và dựng hình trong lĩnh vực truyền thông – báo chí – nghệ thuật. Nội dung bao gồm: ngôn ngữ hình ảnh, bố cục khuôn hình, ánh sáng, âm thanh, kỹ thuật quay cơ bản, nguyên lý dựng hình tuyến tính và phi tuyến, quy trình sản xuất nội dung số. Học phần giúp sinh viên tư duy hình ảnh và làm quen với công cụ kỹ thuật hỗ trợ cho việc viết kịch bản và sản xuất video chuyên nghiệp.	3 TC (60 tiết)	
40	Đại cương về quảng cáo (Introduction to Advertising)	<i>Đại cương Quảng cáo</i> là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo, giúp người học có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật quảng cáo, hiểu được công việc nhà quảng cáo phải thực hiện trong hoạt động này. Biết cách lựa chọn kênh truyền thông phù hợp với từng nội dung quảng cáo và sáng tạo trong quảng cáo. Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (khái niệm, lịch sử, quá trình hình thành và phát triển quảng cáo tại Việt Nam, vai trò và chức năng của	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
		quảng cáo); tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo, mô hình tổ chức, kinh doanh hoạt động quảng cáo, thị trường, công chúng và hình thức cạnh tranh; phương tiện quảng cáo (trên báo in, tạp chí, radio, truyền hình, cinema, ngoài trời, trên các phương tiện giao thông, online, ấn phẩm và các loại hình quảng cáo khác; sáng tạo trong nghệ thuật, quy trình sáng tạo, đánh giá thông điệp quảng cáo và kỹ thuật thiết kế trong quảng cáo.		
41	Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản (Documents of State Agencies and Drafting Techniques)	Học phần dành cho sinh viên năm 4, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về nghiệp vụ văn bản quản lý trong một cơ quan, doanh nghiệp như: Hệ thống văn bản quản lý nhà nước, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, phương pháp soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng.	2 TC (30 tiết)	
42	Nghệp vụ thư ký văn phòng (Secretarial Skills)	Học phần dành cho sinh viên năm 4, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành về nghiệp vụ hành chính văn phòng trong một cơ quan, doanh nghiệp như: kỹ năng hoạch định và sắp xếp lịch làm việc, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng soạn thảo và quản lý văn bản, kỹ năng lập và quản lý hồ sơ, kỹ năng tổ chức cuộc họp và chuyển đi công tác, kỹ năng giao tiếp hành chính.	2 TC (30 tiết)	
43	Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ (Application of Information Technology in Office)	Môn <i>Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ</i> cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng trong hoạt động hành chính – văn thư. Sinh viên được thực hành soạn thảo, trình bày văn bản hành chính; quản lý hồ sơ, tài liệu; lập kế hoạch và theo dõi công việc bằng công cụ số; khai thác các phần mềm quản lý văn bản, lưu trữ và trao đổi	2 TC (30 tiết)	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
	Administration, Records and Archives Work)	thông tin. Học phần giúp sinh viên nâng cao hiệu quả làm việc trong môi trường văn phòng hiện đại.		
44	Thực tập thực tế (Fieldwork Practice)	Môn học tổ chức cho sinh viên ngành Văn học năm thứ ba đi thực tập thực tế nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học dân gian, hiện đại Việt Nam trên địa bàn tỉnh các tỉnh, nhằm mục đích: - Sinh viên thực hành các phương pháp nghiên cứu điền dã; - Sinh viên thực hành các kỹ năng phỏng vấn, nghiên cứu phê bình văn học nghệ thuật; - Nâng cao các kỹ năng mềm; giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với đời sống xã hội, từ đó phát triển toàn diện các năng lực để thực hành nghề nghiệp; - Xây dựng mối quan hệ giữa Khoa Văn học, Nhà trường với các địa phương đồng thời quảng bá hình ảnh Khoa và Nhà trường; - Tư liệu văn học dân gian, hiện đại Việt Nam sưu tầm được sẽ phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và xuất bản tư liệu; - Nhận biết, đánh giá về đặc điểm loại hình và diện mạo, giá trị tư liệu văn học dân gian, văn học viết và di sản Hán Nôm địa phương. - Góp phần vào việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc.	5 TC (150 tiết)	
45	Thực tập hướng nghiệp (Internship)	Môn <i>Thực tập hướng nghiệp</i> tạo cơ hội để sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức phù hợp với ngành học, như: nhà xuất bản, tòa soạn, viện nghiên cứu, cơ quan truyền thông, trường học... Trong quá trình thực tập, sinh viên rèn luyện kỹ năng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thái độ nghề nghiệp. Kết thúc học phần, sinh	4 TC (60 tiết)	Các môn bắt buộc trong chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần	Số tín chỉ	Mã học phần học trước/tiền quyết
		viên thực hiện báo cáo thực tập, trình bày kết quả làm việc, nhận xét của đơn vị tiếp nhận và tự đánh giá quá trình trải nghiệm.		
46	Khoá luận (Thesis)	Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là môn tự chọn dành cho sinh viên lựa chọn định hướng nghiên cứu. Trong môn học, sinh viên được hướng dẫn vận dụng tất cả những kiến thức, tư duy, kỹ năng đã tích lũy và mài giũa trong chương trình để tiếp cận vấn đề, chiếm lĩnh tri thức, lí giải hiện tượng và rút ra kết luận có đóng góp trong một lĩnh vực, khía cạnh cụ thể của vấn đề nghiên cứu.	8 TC (120 tiết)	Các môn bắt buộc trong chương trình đào tạo